

Vietnam Daily Review

Thị trường giảm sâu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/6/2022	•		
Tuần 20/6-24/6/2022	•		
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index giảm điểm từ lúc mở cửa cho đến lúc đóng cửa, kết phiên giảm gần 37 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/19 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí có mức giảm lớn nhất khi giá dầu thế giới trải qua phiên giảm giá mạnh cuối tuần trước. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Việc TTCK VN có thể giảm xuống ngưỡng 1160-1180 khi FED tăng lãi suất 0.75% đã nằm trong dự báo của BSC. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong thời gian này khi dòng tiền đang có xu hướng ủng hộ đà giảm của thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Short các HĐTL trong phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-36.9** điểm, đóng cửa **1180.40** điểm. HNX-Index **-12.14** điểm, đóng cửa **267.92** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.32)**, **VJC (+0.31)**, **SHB(+0.29)**, **HAG (+0.25)**, **PND (+0.04)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-4.39)**, **BID (-2.63)**, **MSN (-1.15)**, **HPG (-1.77)**, **TCB (-1.34)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 14.023 tỷ đồng, giảm **10.39%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15.440 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 41.2 điểm. Thị trường có **72** mã tăng, **36** mã tham chiếu và **407** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-604.61 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-248.10 tỷ)**, **MWG (-192.46 tỷ)**, **VND (-144.78 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-11.12 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1180.40**

Giá trị: 14023.38 tỷ **-36.9 (-3.03%)**

Khối ngoại (ròng): -604.61 tỷ

HNX-INDEX **267.92**

Giá trị: 1512.35 tỷ **-12.14 (-4.33%)**

Khối ngoại (ròng): -11.12 tỷ

UPCOM-INDEX **85.44**

Giá trị: 1.31 tỷ **-1.66 (-1.91%)**

Khối ngoại(ròng): 107.09 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	108.9	-0.63%
Giá vàng	1,841	0.07%
Tỷ giá USD/VND	23,218	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	24,442	0.23%
Tỷ giá JPY/VND	17,237	0.10%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	0.17%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	59.9	HPG	-248.1
VGC	39.1	MWG	-192.5
VHC	32.5	VND	-144.8
CTG	29.7	DCM	-44.5
DPM	27.3	VCI	-39.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
Chú thích: (**) Tiệm cận giá mục tiêu								

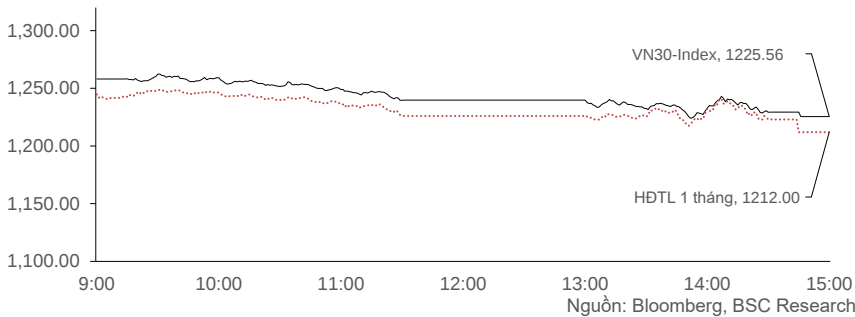
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	SL	28	-7.14%
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	0	0.00%	0.00%	0.00%	0
Cổ phiếu đã chốt	248	219	7.16%	-7.57%	4.21%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2206	1285.30	2.72%	59.74	-20.2%	284,892	6/16/2022	0
VN30F2207	1212.00	-2.67%	-13.56	-11.0%	405,214	7/21/2022	33
VN30F2209	1216.30	-1.91%	-9.26	-31.9%	188	9/15/2022	89
VN30F2212	1219.60	-1.96%	-5.96	-54.1%	129	12/15/2022	180

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 32.47 điểm xuống 1225.56 điểm. Các cổ phiếu như HPG, TCB, MSN, VPB và STB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Short các HDTL trong phiên giao dịch tới.
- Các HDTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở hầu hết các HĐ để giảm, chỉ riêng HĐ VN30F2212 tăng so với phiên trước đó. Nhịp vận động của VN30 trong phiên hôm nay hình thành cây nến nhấn chìm với thanh khoản cao cho thấy áp lực bán của thị trường đang rất lớn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2203	8/15/2022	56	20:1	112,500	24.09%	1,000	180	12.50%	7	24.04	84,311	81,111	127,000
CFPT2108	7/6/2022	16	4.95:1	21,500	32.02%	3,280	1,840	11.52%	1,007	1.83	95,269	106,835	92,000
CVNM2205	10/20/2022	122	16:1	611,200	24.09%	1,000	450	9.76%	60	7.55	86,559	79,999	69,000
CVNM2204	10/7/2022	109	10:1	696,200	24.09%	1,500	650	8.33%	242	2.69	78,400	73,000	69,000
CVPB2204	11/15/2022	148	16:1	54,800	37.24%	1,000	590	5.36%	87	6.78	42,728	30,888	27,100
CFPT2202	6/24/2022	4	8.25:1	222,900	32.02%	1,700	2,100	0.00%	2,182	0.96	89,066	89,700	92,000
CVIC2202	8/15/2022	56	16:1	1,006,400	24.94%	1,100	370	0.00%	59	6.25	88,622	82,222	75,600
CFPT2201	9/20/2022	92	6.6:1	763,900	32.02%	2,100	1,890	-1.05%	1,344	1.41	98,394	106,000	92,000
CVIC2204	8/22/2022	63	16:1	40,300	24.94%	1,000	380	-2.56%	55	6.89	89,733	83,333	75,600
CVHM2208	7/11/2022	21	8:1	62,900	26.32%	1,200	1,160	-4.13%	384	3.02	79,000	6,900	65,000
CMSN2204	11/7/2022	140	10:1	394,900	42.10%	1,900	1,540	-4.94%	1,007	1.53	129,200	116,500	111,000
CNVL2202	8/15/2022	56	16:1	45,100	24.71%	1,000	320	-5.88%	89	3.58	85,759	79,999	75,500
CPNJ2201	9/20/2022	92	8:1	294,500	40.34%	2,300	3,470	-10.57%	3,132	1.11	121,020	95,500	118,000
CNVL2204	9/20/2022	92	16:1	105,200	24.71%	1,000	360	-14.29%	56	6.49	92,559	85,999	75,500
CPOW2202	11/15/2022	148	5:1	592,600	52.92%	1,000	490	-18.33%	219	2.23	20,599	17,999	15,000
CPOW2203	9/5/2022	77	2:1	1,452,300	52.92%	1,600	1,180	-21.85%	600	1.97	18,200	15,700	15,000
CHDB2205	10/20/2022	122	5:1	8,400	39.21%	1,000	500	-23.08%	222	2.25	30,661	27,111	23,750
CVRE2207	10/20/2022	122	8:1	822,200	38.64%	1,000	290	-27.50%	146	1.99	36,133	33,333	28,700
CPOW2201	7/15/2022	25	5:1	704,800	52.92%	1,000	170	-29.17%	61	2.77	17,766	16,666	15,000
CVPB2203	7/15/2022	25	16:1	50,100	37.24%	1,000	270	-30.77%	29	9.36	35,928	28,888	27,100

Tổng 7,950,200 34.79%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2203 và CVRE2207 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 50.00% và 25.00%. Giá trị giao dịch giảm 1.55%, CHDB2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 21.29% thị trường.
- CACB2102, CHPG2202, CVHM2201 và CVIC2202 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2201, CNVL2202, CKDH2204 và CVHM2115 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	73.9	-4.9%	0.7	4,703	14.7	3,515	21.0	4.8	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	118.0	-3.3%	0.7	1,243	3.0	5,443	21.7	3.6	48.9%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	50.4	-2.1%	1.3	1,627	2.4	2,529	19.9	1.7	26.5%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	48.3	-2.8%	0.6	492	0.1	3,644	13.3	1.5	58.4%	11.1%
VIC	Bất động sản	75.6	-1.3%	0.5	12,536	7.0	(578) #N/A	N/A	2.8	12.4%	-2.4%
VRE	Bất động sản	28.7	-2.2%	1.1	2,835	2.7	401	71.6	2.1	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	65.0	-1.5%	0.8	12,306	7.6	8,786	7.4	2.2	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	18.2	-6.9%	1.5	479	9.1	1,503	12.1	1.2	30.8%	11.3%
SSI	Chứng khoán	19.2	-6.8%	1.7	829	15.7	3,023	6.4	1.3	34.4%	22.6%
VCI	Chứng khoán	28.8	-6.9%	1.0	419	6.6	4,884	5.9	1.3	18.4%	26.9%
HCM	Chứng khoán	16.6	-6.7%	1.7	330	3.0	2,619	6.3	1.0	42.4%	17.9%
FPT	Công nghệ	92.0	0.0%	0.9	4,388	10.0	4,293	21.4	5.2	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	68.7	0.0%	0.4	981	0.0	4,926	13.9	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	124.7	-6.9%	0.9	10,377	9.6	5,109	24.4	4.4	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	39.3	-6.3%	1.5	2,168	2.2	1,950	20.1	2.0	17.3%	9.9%
PVS	Dầu khí	27.4	-9.9%	1.5	569	16.5	1,408	19.5	1.1	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	30.3	-7.3%	0.8	4,085	35.3	2,108	14.4	2.5	41.1%	19.1%
DHG	Dược	88.8	0.0%	0.3	505	0.0	6,105	14.5	3.3	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	59.6	-5.4%	1.2	1,014	18.1	12,920	4.6	1.9	16.5%	50.2%
DCM	Hóa chất	39.6	-6.9%	1.2	910	20.1	5,643	7.0	2.3	10.5%	38.9%
VCB	Ngân hàng	76.0	-0.1%	0.8	15,638	3.6	4,855	15.7	3.1	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	29.5	-6.6%	1.2	6,488	1.3	2,266	13.0	1.7	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	22.6	-4.0%	1.5	4,722	4.8	2,558	8.8	1.1	26.2%	13.0%
VPB	Ngân hàng	27.1	-2.9%	1.2	5,238	11.7	3,874	7.0	1.4	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	22.5	-3.4%	1.3	3,696	9.6	3,623	6.2	1.3	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	22.9	-0.9%	1.1	3,363	4.0	3,081	7.4	1.6	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	54.0	-0.9%	0.7	192	0.1	3,150	17.1	1.8	85.7%	10.7%
NTP	Nhựa	38.7	-0.5%	0.6	198	0.1	3,990	9.7	1.6	17.7%	16.9%
MSR	Tài nguyên	17.5	-5.4%	1.5	836	0.2	178	98.3	1.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	21.6	-6.9%	1.1	5,461	35.4	5,726	3.8	1.3	21.1%	40.4%
HSG	Thép	14.8	-6.9%	1.6	316	8.1	7,157	2.1	0.6	7.1%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	69.0	3.4%	0.6	6,270	7.8	4,390	15.7	4.5	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	152.0	-2.6%	0.8	4,238	0.3	5,969	25.5	4.6	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	111.0	-5.1%	1.0	6,871	4.3	7,041	15.8	5.7	28.9%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	14.7	-7.0%	1.6	402	1.3	1,144	12.9	1.1	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	76.5	-3.2%	0.8	7,241	0.2	363	210.9	4.4	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	127.0	1.7%	1.1	2,991	4.2	361	351.4	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	14.6	-6.4%	1.7	1,406	1.2	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	54.1	-2.5%	0.9	709	7.0	2,256	24.0	2.5	44.9%	10.8%
PVT	Vận tải	20.0	-6.8%	1.4	281	3.5	2,088	9.6	1.2	11.7%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	72.1	-2.6%	0.9	502	0.5	10,540	6.8	2.2	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	49.6	-3.9%	0.7	967	5.1	3,677	13.5	2.9	4.9%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	-3.6%	1.2	242	0.8	783	18.6	1.1	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	49.8	-6.9%	1.3	160	1.5	(27) #N/A	N/A	0.4	47.8%	0.0%
CII	Xây dựng	15.5	-6.9%	1.4	170	2.6	1,266	12.2	0.7	10.2%	6.1%
REE	Điện	92.1	-7.0%	-1.4	1,423	7.4	5,994	15.4	2.4	56.1%	16.7%
PC1	Điện	42.4	-6.9%	-0.4	433	7.2	3,238	13.1	2.1	4.8%	16.9%
POW	Điện	15.0	-6.8%	0.6	1,527	17.0	859	17.5	1.2	2.2%	6.9%
NT2	Điện	27.0	-6.9%	0.6	338	2.8	1,933	14.0	1.8	13.7%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	39.1	-6.9%	1.5	979	5.6	1,154	33.9	1.5	18.7%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	65.1	-4%	0.9	2,930	0.4	1,190	54.7	4.1	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	69.00	3.45	1.26	2.59MLN
VJC	127.00	1.68	0.30	759500
SHB	13.35	3.09	0.28	14.40MLN
HAG	7.20	3.15	0.05	14.64MLN
IDI	24.60	2.71	0.04	7.54MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	-0.01	-4.67	1.72MLN	1.11MLN
BID	-0.01	-2.79	972600	607060
MSN	-0.01	-2.23	862000	373600
HPG	-0.01	-1.88	37.27MLN	192700
TCB	0.00	-1.38	4.00MLN	611640

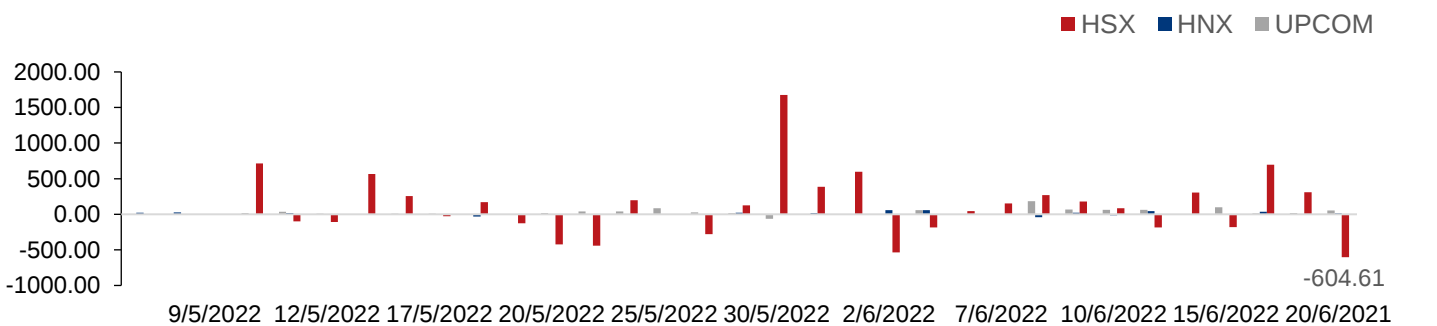
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PDN	117.80	6.99	0.04	1600.00
TGG	4.77	6.95	0.00	322000
ACL	26.40	6.88	0.02	770400
AGM	26.65	6.81	0.01	160400
DAT	18.20	6.74	0.02	35500

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAP	6.51	-7.00	-0.01	227100
HCD	7.44	-7.00	-0.01	193900
PVD	18.60	-7.00	-0.19	9.78MLN
TCO	9.30	-7.00	0.00	190300
UDC	8.77	-7.00	-0.01	73500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	67.8	3,434	19.7	5.5	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	118.0	5,443	21.7	3.6	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.4	1,701	7.8	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	27.0	1,933	14.0	1.8	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	72.4	10,029	7.2	1.4	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	97.0	4,874	19.9	6.3	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	42.4	3,238	13.1	2.1	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	12.5	-129	#N/A N/A	0.6	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	92.0	4,293	21.4	5.2	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.5	2,466	11.2	1.8	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	16.7	9,632	1.7	0.7	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	15.0	859	17.5	1.2	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	118.0	5,443	21.7	3.6	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	73.9	3,515	21.0	4.8	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.0	2,088	9.6	1.2	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	125.0	8,710	14.4	6.4	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	21.6	5,726	3.8	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	39.1	1,154	33.9	1.5	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	21.8	5,084	4.3	1.4	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	18.2	1,503	12.1	1.2	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	122.0	8,596	14.2	5.4	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	61.7	2,136	28.9	3.1	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	32.0	2,701	11.8	2.2	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	101.0	8,331	12.1	2.9	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	29.0	1,941	14.9	1.3	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.3	3,644	13.3	1.5	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	27.4	1,408	19.5	1.1	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	124.7	5,109	24.4	4.4	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	17.1	3,141	5.4	1.1	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	49.8	-27	#N/A N/A	0.4	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.4	1,701	7.8	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.0	1,350	6.7	0.4	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	9.0	1,350	6.7	0.4	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	9.5	2,433	3.9	0.8	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	118.0	5,443	21.7	3.6	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	118.0	5,443	21.7	3.6	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	73.9	3,515	21.0	4.8	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	43.3	2,762	15.7	3.1	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	34.7	1,900	18.3	1.5	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	30.3	2,108	14.4	2.5	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	14.3	1,034	13.8	0.8	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	101.0	8,331	12.1	2.9	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	46.8	2,916	16.1	2.5	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	11.2	689	16.2	0.8	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	18.5	2,054	9.0	0.9	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	47.5	3661.8	13.0	1.9	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	27.0	1,933	14.0	1.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639